

Ngân hàng TNHH MTV Woori Bank Việt Nam/ Woori Bank VietNam
Chi nhánh/ PGD/ Branch/Transaction Office:

WBV-1.2-DDA

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM THỎA THUẬN MỞ, SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CHUNG VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Application and Agreement for Opening and Using Joint Accounts and Banking Services - Applicable to Non-Individual Customers

Số tài khoản/Account No. _____ Ngày/Date: ____ / ____ / ____

1. THÔNG TIN TỔ CHỨC MỞ TÀI KHOẢN/ INFORMATION OF THE CUSTOMER

Thông tin/Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất First Account Holder	Chủ tài khoản chung thứ hai Second Account Holder
Tên đầy đủ Customer name		
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có) Customer name in English (If any)		
Tên viết tắt Abbreviation		
Tình trạng cư trú Residential status	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Số giấy phép thành lập/ Số giấy tờ thành lập, hoạt động Business registration certificate/ Establishment license./ Establishment, operation document No:		
Ngày cấp/ Ngày thành lập, hoạt động Date of Issuing/ Date of Establishment		
Nơi cấp/ Nơi thành lập Place of Issuing/ Establishment		
Mã số doanh nghiệp Enterprise code		
Mã số thuế Tax Code		
Số định danh của tổ chức (nếu có) Entity identification No (if any)		
Quốc gia thành lập Establishment country		
Địa chỉ đặt trụ sở chính Head office Add		
Địa chỉ giao dịch Transaction Address		
Điện thoại Phone		
Fax		
Email		
Website (nếu có/ if any)		
Loại hình Tổ chức Type of Company	☐ Doanh nghiệp nhà nước The State owned Enterprises ☐ Công ty trên 50% vốn nước ngoài Foreign Investment Company ☐ Công ty TNHH Limited Liability Company ☐ Công ty liên doanh Joint-Venture Enterprises ☐ Văn phòng đại diện Representative Office ☐ Doanh nghiệp tư nhân Private Enterprises ☐ Công ty Cổ phần Joint Stock Company ☐ Loại hình khác/Other _____	☐ Doanh nghiệp nhà nước The State owned Enterprises ☐ Công ty trên 50% vốn nước ngoài Foreign Investment Company ☐ Công ty TNHH Limited Liability Company ☐ Công ty liên doanh Joint-Venture Enterprises ☐ Văn phòng đại diện Representative Office ☐ Doanh nghiệp tư nhân Private Enterprises ☐ Công ty Cổ phần Joint Stock Company ☐ Loại hình khác/Other _____

Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh <i>Business activities</i>		
Mục đích thành lập (nếu là tổ chức phi lợi nhuận) <i>Purpose of establishment</i> (for non-profit organizations)		

2. THÔNG TIN TÀI KHOẢN CHUNG VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG/ TYPE OF JOINT ACCOUNT & BANKING SERVICES

Loại tài khoản <i>Type of account</i>	☐ Tài khoản thanh toán <i>Demand Deposit</i>	☐ Khác/ Other:
Loại tiền/ Currency	☐ VND (Việt Nam Đồng)	☐ USD (Đô la Mỹ) ☐ Loại tiền khác/Other:
Phương thức quản lý, sử dụng tài khoản: Việc quản lý, sử dụng tài khoản thanh toán chung phải được sự chấp thuận của tất cả các chủ tài khoản <i>Method of account management and usage: The management and use of the joint demand deposit account must be approved by all account holders.</i>		
Có phát hành sổ tài khoản hay không <i>Passbook</i>	☐ Có phát hành <i>Issue</i>	☐ Không phát hành <i>Do not issue</i>
Dịch vụ SMS/ SMS service Thu phí dịch vụ trên tài khoản đăng ký <i>The service fee shall be collected on each registered account</i>		
Ngôn ngữ/ Language ☐ Tiếng Việt/ Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English	Số tài khoản đăng ký/ Registered accounts 1/ _____ 2/ _____ 3/ _____	Số điện thoại tương ứng/ SMS cell phone No 1/ _____ 2/ _____ 3/ _____
Dịch vụ sổ phụ, báo nợ có, Hóa đơn GTGT/ Account statement service, Debit&Credit advice, VAT Invoice		
Đăng ký nhận/ Register to receive ☐ Sổ phụ/ Account statement service ☐ Báo nợ/có / Debit&credit advice ☐ Hóa đơn điện tử/ Electronic invoice	Chu kỳ nhận/ Delivery frequency ☐ Hàng ngày/ Daily ☐ Hàng tháng/ Monthly ☐ Khác/ Other:	Phương thức nhận/ Delivery Method ☐ Tại Wooribank/ At branch ☐ Qua bưu điện/ Post: ☐ Khác/ Other:

3. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP, KẾ TOÁN TRƯỞNG NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN INFORMATION OF LAWFUL REPRESENTATIVE, CHIEF ACCOUNTANT/ PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING

Thông tin/ Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất <i>First Account Holder</i>	Chủ tài khoản chung thứ hai <i>Second Account Holder</i>
3.1 Người đại diện hợp pháp/ Lawful Representative¹		
	☐ Người đại diện theo pháp luật <i>Legal representative</i> ☐ Người đại diện theo ủy quyền <i>Authorized representative</i>	☐ Người đại diện theo pháp luật <i>Legal representative</i> ☐ Người đại diện theo ủy quyền <i>Authorized representative</i>
Họ và tên/ Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth		
Quốc tịch ² / Nationality		
Tình trạng cư trú <i>Residential status</i>	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Nghề nghiệp/ Occupation		
Chức vụ/ Position		
Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) <i>Appointment Decision No (If any)</i>		
Số điện thoại/ Phone number:		
Thư điện tử /Email:		
Giấy tờ tùy thân ³ <i>Identification document</i>		

¹ Trường hợp tổ chức có từ 2 người đại diện hợp pháp trở lên, Khách hàng sẽ bổ sung thông tin theo Phụ lục số 01-A/ If the Customer has two or more lawful representatives, the Customer will provide additional information as per Appendix No.01-A

² Nếu cá nhân có nhiều hơn 01 quốc tịch, vui lòng kê khai thông tin tại Phụ lục 01-E. Nội dung này áp dụng đối với tất cả các trường thông tin về Quốc tịch trong biểu mẫu này và các phụ lục kèm theo (nếu có)/ If the individual has more than 01 nationality, please declare the information in the appendix 01-E. This content applies to all fields related to Nationality in this form and the appendices (if any).

³ Chỉ ghi thông tin hộ chiếu cá nhân nếu là người nước ngoài. Nội dung này áp dụng đối với tất cả các trường thông tin về Giấy tờ tùy thân trong biểu mẫu này và các phụ lục kèm theo (nếu có)/ Only provide passport details if the individual is a foreigner. This content applies to all fields related to Identification document in this form and the appendices (if any)

Số/ No		
Nơi cấp/ Place of issue		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Mã số thuế/ Tax code		
Số định danh người nước ngoài Foreign identification number		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Nơi cấp/ Place of issue		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) Permanent address (applicable to Vietnamese citizens)		
Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) Current address (applicable to Vietnamese citizens)/ registered residential address (applicable to foreigners)		
Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) Residential address abroad (applicable to foreigners)		
Đăng ký Mẫu Chữ ký Specimen Signature Sample Register Bằng việc ký vào ô này, Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của Tôi với tư cách Chủ thể dữ liệu cá nhân. Tôi đồng ý cho phép WBV xử lý toàn bộ dữ liệu cá nhân của Tôi và đồng ý với Bản điều khoản và điều kiện chung của WBV về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân do WBV ban hành và đăng tải trên trang điện tử chính thức của WBV. <i>By signing this section, I confirm that I have been informed of and clearly understand my rights and obligations as a Data Subject. I consent to allow WBV to process all of my personal data and agree to WBV's General Terms and Conditions on personal data protection, as issued and published on WBV's official website</i>	Thứ nhất/ First	Thứ nhất/ First
	Thứ hai/ Second	Thứ hai/ Second

3.2. Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có)/ Chief accountant or Person in charge of accounting (if any)

Thông tin/ Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất First Account Holder	Chủ tài khoản chung thứ hai Second Account Holder
Chức vụ/ Position	☐ Kế toán trưởng/ Chief accountant ☐ Người phụ trách kế toán Person in charge of accounting ☐ Đồng thời là người được ủy quyền nhận tiền mặt/ nộp - nhận chứng từ/ At the same time, is the authorized person to receive cash/ receive-submit documents	☐ Kế toán trưởng/ Chief accountant ☐ Người phụ trách kế toán Person in charge of accounting ☐ Đồng thời là người được ủy quyền nhận tiền mặt/ nộp - nhận chứng từ/ At the same time, is the authorized person to receive cash/ receive-submit documents
Họ và tên/ Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth		
Quốc tịch Nationality		

Tình trạng cư trú <i>Residential status</i>	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Nghề nghiệp/ Occupation		
Chức vụ/ Position		
Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) <i>Appointment Decision No (If any)</i>		
Số điện thoại/ Phone number		
Thư điện tử /Email		
Giấy tờ tùy thân <i>Identification document</i>		
Số/ No		
Nơi cấp/ Place of issue		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Mã số thuế/ Tax code		
Số định danh người nước ngoài <i>Foreign identification number</i>		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh <i>Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa</i>		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Nơi cấp/ Place of issue		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) <i>Permanent address (applicable to Vietnamese citizens)</i>		
Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) <i>Current address (applicable to Vietnamese citizens)/ registered residential address (applicable to Foreigners)</i>		
Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) <i>Residential address abroad (applicable to Foreigners)</i>		
Đăng ký Mẫu Chữ ký Specimen Signature Sample Register Bằng việc ký vào ô này, Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của Tôi với tư cách Chủ thể dữ liệu cá nhân. Tôi đồng ý cho phép WBV xử lý toàn bộ dữ liệu cá nhân của Tôi và đồng ý với Bản điều khoản và điều kiện chung của WBV về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân do WBV ban hành và đăng tải trên trang điện tử chính thức của WBV. <i>By signing this section, I confirm that I have been informed of and clearly understand my rights and obligations as a Data Subject. I consent to allow WBV to process all of my personal data and agree to WBV's General Terms and Conditions on personal data protection, as issued and published on WBV's official website</i>	Thứ nhất/ First	Thứ nhất/ First
	Thứ hai/ Second	Thứ hai/ Second

4. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CỦA TỔ CHỨC/ INFORMATION OF AUTHORIZED PERSON BY INSTITUTION

4.1 Phạm vi ủy quyền/ Authorization scope

Phạm vi ủy quyền (nếu có) sẽ được các bên xác lập và quy định cụ thể trong từng văn bản ủy quyền riêng biệt. Ngân hàng chỉ thực hiện giao dịch theo đúng nội dung và phạm vi được quy định trong văn bản ủy quyền còn hiệu lực tại thời điểm giao dịch.
The scope of authorization (if any) shall be specified in each separate power of attorney. WBV shall only process transactions strictly in accordance with the contents and scope defined in the valid power of attorney at the time of the transaction.

4.2. Thông tin ủy quyền / Authorization information

4.2.1 Người được ủy quyền thứ nhất / The first authorized person

Thông tin / Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất First Account Holder	Chủ tài khoản chung thứ hai Second Account Holder
Họ và tên / Full name		
Ngày, tháng, năm sinh / Date of birth		
Quốc tịch / Nationality		
Tình trạng cư trú Residential status	☐ Cư trú / Residence ☐ Không cư trú / Non-residence	☐ Cư trú / Residence ☐ Không cư trú / Non-residence
Nghề nghiệp / Occupation		
Chức vụ / Position		
Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) Appointment Decision No (If any)		
Số điện thoại / Phone number		
Thư điện tử / Email		
Giấy tờ tùy thân Identification document		
Số / No		
Nơi cấp / Place of issue		
Ngày cấp / Date of issue		
Ngày hết hạn / Date of expiry		
Mã số thuế / Tax code		
Số định danh người nước ngoài Foreign identification number		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa		
Ngày cấp / Date of issue		
Ngày hết hạn / Date of expiry		
Nơi cấp / Place of issue		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) Permanent address (applicable to Vietnamese citizens)		
Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam) / Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) Current address (applicable to Vietnamese citizens) / registered residential address (applicable to Foreigners)		
Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) Residential address abroad (applicable to Foreigners)		
Đăng ký Mẫu Chữ ký Specimen Signature Sample Register Bằng việc ký vào ô này, Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của Tôi với tư cách Chủ thể dữ liệu cá nhân. Tôi đồng ý cho phép WBV xử lý toàn bộ dữ liệu cá nhân của Tôi và đồng ý với Bản điều khoản và điều kiện chung của WBV về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân do WBV ban hành và đăng tải trên trang điện tử chính thức của WBV. By signing this section, I confirm that I have been informed of and clearly understand my rights and obligations as a Data Subject. I consent to allow WBV to process all of my personal data and agree to WBV's General Terms and Conditions on personal data protection, as issued and published on WBV's official website	Thứ nhất / First	Thứ nhất / First
	Thứ hai / Second	Thứ hai / Second

4.2.2 Người được ủy quyền thứ hai/ The second authorized person

Thông tin/Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất First Account Holder	Chủ tài khoản chung thứ hai Second Account Holder
Họ và tên/ Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth		
Quốc tịch/ Nationality		
Tình trạng cư trú Residential status	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Nghề nghiệp/ Occupation		
Chức vụ/ Position		
Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) Appointment Decision No (If any)		
Số điện thoại/ Phone number		
Thư điện tử /Email		
Giấy tờ tùy thân Identification document		
Số/ No		
Nơi cấp/ Place of issue		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Mã số thuế/ Tax code		
Số định danh người nước ngoài Foreign identification number		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Nơi cấp/ Place of issue		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) Permanent address (applicable to Vietnamese citizens)		
Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) Current address (applicable to Vietnamese citizens)/ registered residential address (applicable to Foreigners)		
Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) Residential address abroad (applicable to Foreigners)		
Đăng ký Mẫu Chữ ký Specimen Signature Sample Register Bằng việc ký vào ô này, Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của Tôi với tư cách Chủ thể dữ liệu cá nhân. Tôi đồng ý cho phép WBV xử lý toàn bộ dữ liệu cá nhân của Tôi và đồng ý với Bản điều khoản và điều kiện chung của WBV về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân do WBV ban hành và đăng tải trên trang điện tử chính thức của WBV. By signing this section, I confirm that I have been informed of and clearly understand my rights and obligations as a Data Subject. I consent to allow WBV to process all of my personal data and agree to WBV's General Terms and Conditions on personal data protection, as issued and published on WBV's official website	Thứ nhất/ First	Thứ nhất/ First
	Thứ hai/ Second	Thứ hai/ Second

5. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG/ NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN/
INFORMATION OF AUTHORIZED PERSON BY CHIEF ACCOUNTANT/ PERSON INCHARGE OF ACCOUNTING

Thông tin/ Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất First Account Holder	Chủ tài khoản chung thứ hai Second Account Holder
	☐ Đồng thời là người được ủy quyền nhận tiền mặt/ nộp - nhận chứng từ <i>At the same time, is the authorized person to receive cash/ receive-submit documents</i>	☐ Đồng thời là người được ủy quyền nhận tiền mặt/ nộp - nhận chứng từ <i>At the same time, is the authorized person to receive cash/ receive-submit documents</i>
Họ và tên/ Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth		
Quốc tịch/ Nationality		
Tình trạng cư trú Residential status	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Nghề nghiệp/ Occupation		
Chức vụ/ Position		
Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) Appointment Decision No (If any)		
Số điện thoại/ Phone number		
Thư điện tử /Email		
Giấy tờ tùy thân Identification document		
Số/ No		
Nơi cấp/ Place of issue		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Mã số thuế/ Tax code		
Số định danh người nước ngoài Foreign identification number		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Nơi cấp/ Place of issue		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) Permanent address (applicable to Vietnamese citizens)		
Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) Current address (applicable to Vietnamese citizens)/ registered residential address (applicable to Foreigners)		
Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) Residential address abroad (applicable to Foreigners)		

Đăng ký Mẫu Chữ ký Specimen Signature Sample Register Bằng việc ký vào ô này, Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của Tôi với tư cách Chủ thể dữ liệu cá nhân. Tôi đồng ý cho phép WBV xử lý toàn bộ dữ liệu cá nhân của Tôi và đồng ý với Bản điều khoản và điều kiện chung của WBV về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân do WBV ban hành và đăng tải trên trang điện tử chính thức của WBV. <i>By signing this section, I confirm that I have been informed of and clearly understand my rights and obligations as a Data Subject. I consent to allow WBV to process all of my personal data and agree to WBV's General Terms and Conditions on personal data protection, as issued and published on WBV's official website</i>	Thứ nhất/ First	Thứ nhất/ First
	Thứ hai/ Second	Thứ hai/ Second

6. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN NHẬN TIỀN MẶT/ NỘP - NHẬN CHỨNG TỪ/
INFORMATION OF AUTHORIZED PERSON TO RECEIVE CASH/ RECEIVE-SUBMIT DOCUMENTS

6.1. Người được ủy quyền thứ nhất/ The first authorized person

Thông tin/ Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất First Account Holder	Chủ tài khoản chung thứ hai Second Account Holder
Họ và tên/ Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth		
Quốc tịch/ Nationality		
Tình trạng cư trú Residential status	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Nghề nghiệp/ Occupation		
Chức vụ/ Position		
Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) Appointment Decision No (If any)		
Số điện thoại/ Phone number		
Thư điện tử /Email		
Giấy tờ tùy thân Identification document		
Số/ No		
Nơi cấp/ Place of issue		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Mã số thuế/ Tax code		
Số định danh người nước ngoài Foreign identification number		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Nơi cấp/ Place of issue		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) Permanent address (applicable to Vietnamese citizens)		
Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) Current address (applicable to Vietnamese citizens)/ registered residential address (applicable to Foreigners)		

Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) <i>Residential address abroad</i> <i>(applicable to Foreigners)</i>		
Đăng ký Mẫu Chữ ký Specimen Signature Sample Register Bằng việc ký vào ô này, Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của Tôi với tư cách Chủ thể dữ liệu cá nhân. Tôi đồng ý cho phép WBV xử lý toàn bộ dữ liệu cá nhân của Tôi và đồng ý với Bản điều khoản và điều kiện chung của WBV về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân do WBV ban hành và đăng tải trên trang điện tử chính thức của WBV. <i>By signing this section, I confirm that I have been informed of and clearly understand my rights and obligations as a Data Subject. I consent to allow WBV to process all of my personal data and agree to WBV's General Terms and Conditions on personal data protection, as issued and published on WBV's official website</i>	Thứ nhất/ First	Thứ nhất/ First
	Thứ hai/ Second	Thứ hai/ Second
6.2. Người được ủy quyền thứ hai/ The second authorized person		
Thông tin/ Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất <i>First Account Holder</i>	Chủ tài khoản chung thứ hai <i>Second Account Holder</i>
Họ và tên/ Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth		
Quốc tịch/ Nationality		
Tình trạng cư trú <i>Residential status</i> ☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence		☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Nghề nghiệp/ Occupation		
Chức vụ/ Position		
Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) <i>Appointment Decision No (If any)</i>		
Số điện thoại/ Phone number		
Thư điện tử /Email		
Giấy tờ tùy thân <i>Identification document</i>		
Số/ No		
Nơi cấp/ Place of issue		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Mã số thuế/ Tax code		
Số định danh người nước ngoài <i>Foreign identification number</i>		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh <i>Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa</i>		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Nơi cấp/ Place of issue		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) <i>Permanent address</i> <i>(applicable to Vietnamese citizens)</i>		

Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) <i>Current address (applicable to Vietnamese citizens)/ registered residential address (applicable to Foreigners)</i>		
Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) <i>Residential address abroad (applicable to Foreigners)</i>		
Đăng ký Mẫu Chữ ký Specimen Signature Sample Register Bằng việc ký vào ô này, Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của Tôi với tư cách Chủ thể dữ liệu cá nhân. Tôi đồng ý cho phép WBV xử lý toàn bộ dữ liệu cá nhân của Tôi và đồng ý với Bản điều khoản và điều kiện chung của WBV về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân do WBV ban hành và đăng tải trên trang điện tử chính thức của WBV. <i>By signing this section, I confirm that I have been informed of and clearly understand my rights and obligations as a Data Subject. I consent to allow WBV to process all of my personal data and agree to WBV's General Terms and Conditions on personal data protection, as issued and published on WBV's official website</i>	Thứ nhất/ First	Thứ nhất/ First
	Thứ hai/ Second	Thứ hai/ Second

7. MẪU DẤU/ SPECIMEN STAMP

Mẫu dấu của Chủ tài khoản chung thứ nhất <i>The first account holder's specimen Stamp</i>		Mẫu dấu của Chủ tài khoản chung thứ hai <i>The second account holder's specimen Stamp</i>	
Mẫu dấu đóng lần 1 <i>First time</i>	Mẫu dấu đóng lần 2 <i>Second time</i>	Mẫu dấu đóng lần 1 <i>First time</i>	Mẫu dấu đóng lần 2 <i>Second time</i>

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN / INFORMATION ABOUT RELATING INDIVIDUALS/ ORGANIZATIONS

8.1. Thông tin Giám đốc/ Tổng Giám đốc (trường hợp không đồng thời là người đại diện hợp pháp) *Information about Director/ General Director (In case they are not concurrently the lawful representative)*

	Giám đốc/ Tổng GD của Chủ tài khoản chung thứ nhất <i>Director/ General Director of The first account holder</i>	Giám đốc/ Tổng GD của Chủ tài khoản chung thứ hai <i>Director/ General Director of The second account holder</i>
Họ và tên/ Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth		
Quốc tịch/ Nationality		
Tình trạng cư trú <i>Residential status</i>	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Nghề nghiệp/ Occupation		
Chức vụ/ Position		

Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) <i>Appointment Decision No (If any)</i>		
Số điện thoại/ <i>Phone number</i>		
Thư điện tử / <i>Email</i>		
Giấy tờ tùy thân <i>Identification document</i>		
Số/ <i>No</i>		
Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>		
Ngày cấp/ <i>Date of issue</i>		
Ngày hết hạn/ <i>Date of expiry</i>		
Mã số thuế/ <i>Tax code</i>		
Số định danh người nước ngoài <i>Foreign identification number</i>		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh <i>Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa</i>		
Ngày cấp/ <i>Date of issue</i>		
Ngày hết hạn/ <i>Date of expiry</i>		
Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) <i>Permanent address (applicable to Vietnamese citizens)</i>		
Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) <i>Current address (applicable to Vietnamese citizens)/ registered residential address (applicable to Foreigners)</i>		
Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) <i>Residential address abroad (applicable to Foreigners)</i>		

8.2. Thông tin về người thành lập là tổ chức / Information about the founder as an organization
(Nếu có nhiều hơn 01 người thành lập là tổ chức, vui lòng khai báo thêm tại phụ lục số 01-B)
(If there is more than one founding organization, please provide additional information in Appendix 01-B)

	Người thành lập là tổ chức của chủ tài khoản chung thứ nhất <i>The founding institution of the first account holder</i>	Người thành lập là tổ chức của chủ tài khoản chung thứ hai <i>The founding institution of the second account holder</i>
Tên đầy đủ / <i>Full name</i>		
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có) <i>Customer name in English (If any)</i>		
Tên viết tắt/ <i>Abbreviation</i>		
Tình trạng cư trú <i>Residential status</i>	☐ Cư trú/ <i>Residence</i> ☐ Không cư trú/ <i>Non- residence</i>	☐ Cư trú/ <i>Residence</i> ☐ Không cư trú/ <i>Non- residence</i>
Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Số giấy phép thành lập/ Số giấy tờ thành lập, hoạt động <i>Business registration certificate/ Establishment license./ Establishment, operation document No.</i>		
Ngày cấp/ Ngày thành lập, hoạt động <i>Date of Issuing/ Date of Establishment</i>		
Nơi cấp/ Nơi thành lập <i>Place of Issuing/ Establishment</i>		
Mã số doanh nghiệp/ <i>Enterprise code</i>		

Số định danh của tổ chức (nếu có) <i>Entity identification No (if any)</i>		
Quốc gia thành lập <i>Establishment country</i>		
Địa chỉ đặt trụ sở chính <i>Head office Add</i>		
Địa chỉ giao dịch <i>Transaction Address</i>		
Điện thoại/ Phone		
Fax		
Email		
Website (nếu có/ if any)		
Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh <i>Business activities</i>		
Mục đích thành lập (nếu là tổ chức phi lợi nhuận) <i>Purpose of establishment (for non-profit organizations)</i>		

8.3. Thông tin về người thành lập là cá nhân / Information about the founder as individual(s)
(Nếu có nhiều hơn 01 người thành lập là cá nhân, vui lòng khai báo thêm tại phụ lục số 1-C)
If there is more than one founding individual, please provide additional information in Appendix 1-C

Thông tin/Information	Người thành lập là cá nhân của chủ tài khoản chung thứ nhất <i>The founding individual of the first account holder</i>	Người thành lập là cá nhân của chủ tài khoản chung thứ hai <i>The founding individual of the second account holder</i>
Họ và tên/ Full name		
Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth		
Quốc tịch/ Nationality		
Tình trạng cư trú <i>Residential status</i>	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence	☐ Cư trú/ Residence ☐ Không cư trú/ Non- residence
Nghề nghiệp/ Occupation		
Chức vụ/ Position		
Quyết định bổ nhiệm số (nếu có) <i>Appointment Decision No (If any)</i>		
Số điện thoại/ Phone number		
Thư điện tử /Email		
Giấy tờ tùy thân <i>Identification document</i>		
Số/ No		
Nơi cấp/ Place of issue		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Mã số thuế/ Tax code		
Số định danh người nước ngoài <i>Foreign identification number</i>		
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh <i>Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa</i>		
Ngày cấp/ Date of issue		
Ngày hết hạn/ Date of expiry		
Nơi cấp/ Place of issue		
Địa chỉ đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam) <i>Permanent address (applicable to Vietnamese citizens)</i>		

Địa chỉ nơi ở hiện tại (đối với người Việt Nam)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam (đối với người nước ngoài) <i>Current address (applicable to Vietnamese citizens)/ registered residential address (applicable to Foreigners)</i>		
Địa chỉ cư trú tại nước ngoài (đối với người nước ngoài) <i>Residential address abroad (applicable to Foreigners)</i>		

8.4 Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của chủ tài khoản chung thứ nhất/ Information about Beneficial Owner(s) of the first account holder.

* Phần thông tin dưới đây được Ngân hàng Woori thu thập nhằm xác định Chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức theo quy định của pháp luật hiện hành.

The information below is collected by Woori Bank to identify the Beneficial Owner of the organization in accordance with applicable laws and regulations.

* Chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có quyền chi phối khách hàng tổ chức thông qua quyền sở hữu hoặc quyền chi phối.

A Beneficial Owner is an individual who ultimately owns or exercises control over the corporate customer, either through Ownership Prong or Control Prong.

(i) "Quyền sở hữu" được xác định là cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức.

"Ownership Prong" means an individual who directly or indirectly holds 25% or more of the charter capital of the organization.

(ii) "Quyền chi phối": được xác định là (các) cá nhân cuối cùng có quyền chi phối đối với tổ chức. Ngân hàng Woori Việt Nam xác định cá nhân có quyền chi phối bao gồm cá nhân đáp ứng các tiêu chí được xác định tại Mục 2 đến Mục 4 dưới đây.

"Control Prong" means the right of an individual to exercise ultimate control over the organization. Woori Bank Vietnam identifies an individual with control prong based on the criteria set out in Section 2 to 4 below.

*** Nguyên tắc xác định Chủ sở hữu hưởng lợi/ Principles for Identifying the Beneficial Owner**

Chủ sở hữu hưởng lợi được xác định theo thứ tự ưu tiên từ Mục 1 đến Mục 4 bên dưới. Ngay khi xác định được CSHHL tại một mục bất kỳ, Quý Khách hàng không cần tiếp tục kê khai thông tin tại các mục tiếp theo.

The Beneficial Owner shall be identified in order of priority from Section 1 to Section 4 below. Once the Beneficial Owner is identified under any section, the identification process shall be deemed complete and the Customer is not required to complete the subsequent sections.

Quý khách vui lòng đánh dấu (☑) vào ô tương ứng và kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Please tick (☑) the applicable box and provide complete and accurate information as required.

☐ **MỤC 1. Chúng tôi có (các) cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức**

SECTION 1. We have individual(s) who directly or indirectly own 25% or more of the charter capital of the organization.

☐ **MỤC 2. Chúng tôi có cá nhân trực tiếp sở hữu tỷ lệ lớn nhất dưới 25% vốn điều lệ nhưng không thấp hơn 10%. (Chỉ kê khai mục này nếu KHÔNG có cá nhân nào đáp ứng điều kiện tại Mục 1)**

SECTION 2. We have individual(s) who directly holds the largest ownership interest below 25% but not less than 10% of the charter capital.

(This section should only be completed if no individual meets the criteria under Section 1.)

☐ **MỤC 3. Chúng tôi có cá nhân có quyền chi phối đối với tổ chức. (Chỉ kê khai mục này nếu KHÔNG có cá nhân nào đáp ứng điều kiện tại Mục 1 và Mục 2)**

SECTION 3. We have individual(s) who exercises control over the organization.

(This section should only be completed if no individual meets the criteria under Section 1 and Section 2.)

☐ Cá nhân có quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm phần lớn hoặc toàn bộ Ban lãnh đạo cấp cao của tổ chức; và/hoặc

An individual who has the right to appoint or remove most or all members of the senior management of the organization; and/or

☐ Cá nhân có quyền biểu quyết vượt trội hoặc quyền quyết định cuối cùng đối với các vấn đề trọng yếu của tổ chức.

An individual who has dominant voting rights or final decision-making authority over key matters of the organization.

☐ **MỤC 4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức là CSHHL**

SECTION 4. The legal representative of the organization is identified as the Beneficial Owner.

* Trường hợp khách hàng tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức đã được công bố, xác định chủ sở hữu hưởng lợi là (các) cá nhân được công bố.

In case the Corporate Customer is an enterprise listed on domestic and foreign stock markets, and has their beneficial owners' information published, the beneficial owner(s) is/are identified as that published natural person(s).

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI /BENEFICIAL OWNER INFORMATION⁴:

Họ và tên <i>Full name</i>			
Loại hình CSHHL (theo Mục 1,2,3,4) <i>Type of Beneficial Owner (in accordance with Section 1, 2, 3, 4)</i>			
Tỷ lệ % sở hữu (chỉ áp dụng với Mục 1 và 2) <i>Ownership percentage (applicable to Section 1 and 2)</i>			
Ngày sinh <i>Date of birth</i>			
Nghề nghiệp <i>Occupation</i>			
Chức vụ <i>Position</i>			
(Các) Quốc tịch <i>Nationality</i>			
Tình trạng cư trú <i>Residence status</i>	☐ Cư trú/ Resident ☐ Không cư trú/ Non- resident	☐ Cư trú/ Resident ☐ Không cư trú/ Non- resident	☐ Cư trú/ Resident ☐ Không cư trú/ Non- resident
Giấy tờ tùy thân <i>Identification Documents</i>	Số/ Number		
	Ngày cấp/ Date of issue		
	Nơi cấp/ Place of issue		
	Ngày hết hạn/ Expiry date		
Số định danh người nước ngoài <i>Foreign identification number</i>			
Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh <i>Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa</i>	Số/ Number		
	Ngày cấp/ Date of issue		
	Ngày hết hạn/ Expiry date		
	Nơi cấp/ Place of issue		
Số điện thoại <i>Phone</i>			
Địa chỉ đăng ký thường trú /Địa chỉ cư trú ở nước ngoài <i>Permanent address/ Residential address(es) abroad</i>			
Địa chỉ cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch khác (nếu có) <i>Residential address in countries of other nationalities</i>			
Địa chỉ nơi ở hiện tại (nếu khác địa chỉ thường trú)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam <i>Current address (if different from permanent address)</i>			

⁴Trường hợp Khách hàng có nhiều hơn 03 cá nhân khác là chủ sở hữu hưởng lợi, vui lòng bổ sung thông tin tại Phụ lục 01-F
If there are more than 3 other individuals as beneficial owners, please declare in Appendix 01-F

8.5 Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của chủ tài khoản chung thứ hai/ Information about Beneficial Owner(s) of the second account holder.

Khái niệm về chủ sở hữu hưởng lợi và nguyên tắc xác định chủ sở hữu hưởng lợi vui lòng đọc thông tin tại mục 8.4/ For the definition of the beneficial owner and the principles for identifying beneficial owner, please refer to Section 8.4

Quý khách vui lòng đánh dấu (☑) vào ô tương ứng và kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu.
Please tick (☑) the applicable box and provide complete and accurate information as required.

☐ **MỤC 1. Chúng tôi có (các) cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức**
SECTION 1. We have individual(s) who directly or indirectly own 25% or more of the charter capital of the organization.

☐ **MỤC 2. Chúng tôi có cá nhân trực tiếp sở hữu tỷ lệ lớn nhất dưới 25% vốn điều lệ nhưng không thấp hơn 10%. (Chỉ kê khai mục này nếu KHÔNG có cá nhân nào đáp ứng điều kiện tại Mục 1)**
SECTION 2. We have individual(s) who directly holds the largest ownership interest below 25% but not less than 10% of the charter capital.
(This section should only be completed if no individual meets the criteria under Section 1.)

☐ **MỤC 3. Chúng tôi có cá nhân có quyền chi phối đối với tổ chức. (Chỉ kê khai mục này nếu KHÔNG có cá nhân nào đáp ứng điều kiện tại Mục 1 và Mục 2)**
SECTION 3. We have individual(s) who exercises control over the organization.
(This section should only be completed if no individual meets the criteria under Section 1 and Section 2.)

- ☐ Cá nhân có quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm phần lớn hoặc toàn bộ Ban lãnh đạo cấp cao của tổ chức; và/hoặc
An individual who has the right to appoint or remove most or all members of the senior management of the organization; and/or
- ☐ Cá nhân có quyền biểu quyết vượt trội hoặc quyền quyết định cuối cùng đối với các vấn đề trọng yếu của tổ chức.
An individual who has dominant voting rights or final decision-making authority over key matters of the organization.

☐ **MỤC 4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức là CSHHL**
SECTION 4. The legal representative of the organization is identified as the Beneficial Owner.

* Trường hợp khách hàng tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức đã được công bố, xác định chủ sở hữu hưởng lợi là (các) cá nhân được công bố.
In case the Corporate Customer is an enterprise listed on domestic and foreign stock markets, and has their beneficial owners' information published, the beneficial owner(s) is/are identified as that published natural person(s).

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI /BENEFICIAL OWNER INFORMATION⁵:

Họ và tên Full name				
Loại hình CSHHL (theo Mục 1,2,3,4) Type of Beneficial Owner (in accordance with Section 1, 2, 3, 4)				
Tỷ lệ % sở hữu (chỉ áp dụng với Mục 1 và 2) Ownership percentage (applicable to Section 1 and 2)				
Ngày sinh Date of birth				
Nghề nghiệp Occupation				
Chức vụ Position				
(Các) Quốc tịch Nationality				
Tình trạng cư trú Residence status		☐ Cư trú/ Resident ☐ Không cư trú/ Non- resident	☐ Cư trú/ Resident ☐ Không cư trú/ Non- resident	☐ Cư trú/ Resident ☐ Không cư trú/ Non- resident
Giấy tờ tùy thân Identification Documents	Số/ Number			
	Ngày cấp/ Date of issue			
	Nơi cấp/ Place of issue			
	Ngày hết hạn/ Expiry date			
Số định danh người nước ngoài Foreign identification number				

⁵Trường hợp Khách hàng có nhiều hơn 03 cá nhân khác là chủ sở hữu hưởng lợi, vui lòng bổ sung thông tin tại Phụ lục 01-F
If there are more than 3 other individuals as beneficial owners, please declare in Appendix 01-F

Số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh Entry visa number or the number of the document replacing the entry visa	Số/ Number			
	Ngày cấp/ Date of issue			
	Ngày hết hạn/ Expiry date			
	Nơi cấp/ Place of issue			
Số điện thoại/ Phone				
Địa chỉ đăng ký thường trú /Địa chỉ cư trú ở nước ngoài Permanent address/ Residential address(es) abroad				
Địa chỉ cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch khác (nếu có) Residential address in countries of other nationalities				
Địa chỉ nơi ở hiện tại (nếu khác địa chỉ thường trú)/ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam Current address (if different from permanent address)				

9. THÔNG TIN KHÁC/ OTHER INFORMATION

9.1 Thông tin về Fatca/ Fatca Declaration

	Chủ tài khoản chung thứ nhất The first Account holder	Chủ tài khoản chung thứ hai The second Account holder
9.1.1. Tổ chức được thành lập hay có tổ chức hoạt động tại Mỹ hay không? Is the organization established or operating in the United States? (Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-9 cho Khách hàng tổ chức, và vui lòng cung cấp Mã số thuế Mỹ) / (If yes, please complete form W-9) for institutional customers and provide the U.S Tax Identification Number)	☐ Có/ Yes ☐ Không/ No	☐ Có/ Yes ☐ Không/ No
9.1.2. Tổ chức có được xem như một Định chế tài chính ngoài Mỹ (ĐCTC) (Ví dụ: Ngân hàng, công ty chuyên đầu tư, môi giới đầu tư, tư vấn đầu tư, quỹ, công ty bảo hiểm,...), theo quy định của Fatca hay không? Is the organization considered a Foreign financial Institution (FFI) (e.g., bank, investment company, investment broker, investment advisor, fund, insurance company,...) under FATCA regulations? (Nếu có, vui lòng cung cấp mã số GIIN, hoặc Mẫu W-8BEN-E trong trường hợp tổ chức không có mã GIIN)/ (If yes, please provide the GIIN (Global Intermediary Identification Number), or submit form W-8BEN-E if the organization does not have a GIIN. Mã GIIN/ GIIN Number:	☐ Có/ Yes ☐ Không/ No	☐ Có/ Yes ☐ Không/ No
9.1.3. Tổ chức có nhà đầu tư Mỹ hay không?/ Does the organization have U.S. Investors? (Nếu có, vui lòng cung cấp Mẫu W-8BEN-E/ If yes, please provide Form W-8BEN-E)	☐ Có/ Yes ☐ Không/ No	☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

9.2 THÔNG TIN VỀ THỎA THUẬN PHÁP LÝ/ INFORMATION ABOUT LEGAL AGREEMENTS

* Thỏa thuận pháp lý là thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ bên ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì mục đích được xác định trong thỏa thuận.

A legal agreement refers to a trust agreement or any similar arrangement established under foreign law that authorizes the trustee to receive the legal ownership of assets from the settlor in order to manage, administer, and supervise the assets for the benefit of the beneficiaries or for purposes specified in the agreement.

Khách hàng là bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý và tài sản ủy thác được sử dụng để giao dịch tại Ngân hàng? Is the Customer the trustee in a legal agreement, and is the trust property used for transactions at the bank?	☐ Không/ No ☐ Có/ Yes (Vui lòng khai báo thêm tại Phụ lục số 01-G/ Please provide information in Appendix 01-G)	☐ Không/ No ☐ Có/ Yes (Vui lòng khai báo thêm tại Phụ lục số 01-G/ Please provide information in Appendix 01-G)
---	--	--

9.3. Mục đích giao dịch, thông tin giao dịch

Transaction purpose, transaction information

Tôi (Chúng tôi) thiết lập quan hệ giao dịch với ngân hàng để/ Purpose of transaction, expected transaction information:

- ☐ Mở tài khoản để thực hiện đầu tư trực tiếp/ Open account(s) for direct investment
- ☐ Mở tài khoản để thực hiện đầu tư gián tiếp / Open account(s) for indirect investment
- ☐ Xin vay ngân hàng/ Apply for loans
- ☐ Mở tài khoản để thực hiện thanh toán/ Open demands for payment transactions
- ☐ Mở tài khoản để gửi tiền/ Open account(s) for deposits
- ☐ Mục đích khác/ Other purpose:

Thông tin/Information	Chủ tài khoản chung thứ nhất First Account Holder	Chủ tài khoản chung thứ hai Second Account Holder
Nguồn gốc tiền Source of funds	☐ Thu nhập từ đầu tư Income from investment ☐ Thu nhập từ bán tài sản Income from asset sales ☐ Thu nhập từ kinh doanh Income from business activities ☐ Nguồn thu nhập khác Others:	☐ Thu nhập từ đầu tư Income from investment ☐ Thu nhập từ bán tài sản Income from asset sales ☐ Thu nhập từ kinh doanh Income from business activities ☐ Nguồn thu nhập khác Others:
Nguồn gốc tài sản Source of wealth(*):	☐ Từ nguồn tài chính của tập đoàn Intra - group financing ☐ Từ đầu tư của chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng/đối tác/Investment by ultimate beneficial owner/ parter ☐ Từ bán tài sản/bất động sản From asset/ real estate sales ☐ Từ lợi nhuận kinh doanh Business income ☐ Nguồn khác/ Other sources:	☐ Từ nguồn tài chính của tập đoàn Intra - group financing ☐ Từ đầu tư của chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng/đối tác/Investment by ultimate beneficial owner/ parter ☐ Từ bán tài sản/bất động sản From asset/ real estate sales ☐ Từ lợi nhuận kinh doanh Business income ☐ Nguồn khác/ Other sources:
Doanh thu trong 2 năm gần nhất / Revenue for the last 2 years (*) (VND):		
Lĩnh vực hoạt động kinh doanh, dịch vụ tạo doanh thu chính/ Main business sector/ service generating revenue (*):		

* Khách hàng kê khai thông tin này khi được yêu cầu/ Customers provide this information upon request.

10. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG/ CUSTOMER COMMITMENT

10.1. Chúng tôi xác nhận đã được Woori Việt Nam cung cấp, giải thích, đã đọc, hiểu rõ, chấp thuận và đồng ý toàn bộ các điều khoản tại Bản điều khoản và điều kiện chung về mở và sử dụng tài khoản áp dụng cho KHTC (gọi tắt là "Bản Điều kiện và Điều khoản") được công bố trên website: www.woori.com.vn. Chúng tôi xác nhận Bản Điều kiện và Điều khoản trên là một phần không thể tách rời của Đơn đề nghị kiêm thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản và dịch vụ ngân hàng này (gọi tắt là: "Đơn đề nghị") và cùng tạo thành một Thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản và dịch vụ tài khoản giữa chúng tôi và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (gọi tắt là "Thỏa Thuận").

We hereby confirm that Woori Vietnam has provided and explained to us, and that we have read, fully understood, agreed to, and accepted all terms and conditions set forth in the General Terms and Conditions of opening and using Accounts and banking services (hereinafter referred to as the "Terms and Conditions") published on the website: www.woori.com.vn. We confirm that the above Terms and Conditions are an integral part of this Application cum Agreement for opening and using bank accounts and services (hereinafter referred to as the "Application"), and together constitute an Agreement on opening and using bank accounts and services between us and Woori (hereinafter referred to as the Agreement)

10.2. Chúng tôi cam kết và xác nhận rằng các thông tin, tài liệu nêu trên là đầy đủ, đúng sự thật và chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những tài liệu, thông tin này. Đồng thời, Chúng tôi đồng ý và cam kết, đảm bảo các cá nhân có thông tin được nêu tại Đơn đề nghị này đã đồng ý, không hủy ngang về việc: (i) để Woori Việt Nam và/hoặc Bên thứ ba được xử lý dữ liệu của chúng tôi/ các cá nhân đó cho mục đích mở, sử dụng và quản lý tài khoản và/hoặc phát triển khách hàng/hệ thống của Woori Việt Nam và/hoặc để thực hiện nghĩa vụ của cá nhân và/ hoặc của Khách hàng đối với Woori Việt Nam (nếu có) hoặc cho mục đích khác phù hợp với hoạt động kinh doanh của Woori Việt Nam và quy định của pháp luật; (ii) Cách thức xử lý dữ liệu cá nhân: do Woori Việt Nam và/hoặc Bên thứ ba quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật; (iii) Thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc xử lý dữ liệu cá nhân sẽ do Woori Việt Nam và/hoặc Bên thứ ba quyết định phù hợp với quy định pháp luật; (iv) Woori Việt Nam được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan khi thực hiện việc xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. Mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc cung cấp, xử lý dữ liệu cá nhân sẽ do Khách hàng và cá nhân đó tự giải quyết.

We commit and confirm that the information and documents provided above are complete, truthful, and accurate, and we take full responsibility for these documents and information. At the same time, we agree and commit, guarantee that the individuals whose information is stated in this Application Form have given their consent and have not withdrawn it regarding:

(i) Woori Vietnam and/or third parties being authorized to process our data/ relating individuals' personal data for the purposes of opening, using, and managing the account and/or customer/system development of Woori Vietnam and/or fulfilling individual and/or customer obligations towards Woori Vietnam (if any), or for other purposes consistent with Woori Vietnam's business activities and legal regulations; (ii) The methods of personal data processing as determined by Woori Vietnam and/or third parties from time to time in accordance with applicable laws; (iii) The start and end time of personal data processing as determined by Woori Vietnam and/or third parties in compliance with legal regulations; (iv) Woori Vietnam shall be exempt from any liabilities related to the processing of personal data in accordance with the law. Any disputes or complaints related to the provision or processing of personal data shall be resolved directly between the customer and the individual concerned.

10.3. Chúng tôi cam kết: (i) tuân thủ các quy định về mở và sử dụng tài khoản theo quy định của pháp luật và quy định của Woori Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) trong từng thời kỳ; (ii) không sử dụng giấy tờ, chứng từ giả mạo để mở và sử dụng tài khoản; (iii) không sử dụng tài khoản để thực hiện cho các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác; (iv) Chúng tôi không phải là đại lý giao dịch tiền ảo hoặc tài sản mã hóa chưa được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật và cam kết không sử dụng (các) tài khoản để thực hiện bất kỳ giao dịch tiền ảo hoặc giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa nào mà các giao dịch đó không được thực hiện thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định pháp luật; (v) không vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ, thỏa thuận nào khác theo nội dung tại Đơn đề nghị này và Bản Điều kiện và điều khoản kèm theo hoặc các Cam kết và thỏa thuận khác với Woori Việt Nam (nếu có).

We commit to: (i) comply with all regulations on opening and using accounts as stipulated by law and by Woori Vietnam, including any amendments, supplements, or replacements (if any) issued from time to time; (ii) not use forged documents or papers to open or use the account; (iii) not use the account to conduct transactions for the purposes of money laundering, terrorist financing, proliferation financing of weapons of mass destruction, fraud, scams, or other illegal activities; (iv) We are not a virtual currency exchange/agent that has not been duly licensed by the competent authority in accordance with applicable laws and not to use the account(s) for virtual currency trading unless such transactions are conducted through a crypto asset service provider duly licensed by the competent authority in accordance with applicable laws; (v) not violate any other commitments, obligations, or agreements under this Application Form, the accompanying Terms and Conditions, or other commitments and agreements with Woori Vietnam (if any).

10.4. Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài khoản và các dịch vụ đã đăng ký theo quy định của Pháp luật và Woori Việt Nam. Chúng tôi đã hiểu rõ biểu phí của Woori Việt Nam liên quan đến tài khoản và Chúng tôi chấp nhận thanh toán các khoản phí liên quan đến Tài khoản/dịch vụ tài khoản mà Woori Việt Nam cung cấp.

We fully accept responsibility for managing and using the account and registered services in accordance with the laws and regulations of Woori Vietnam. We have understood Woori Vietnam's fee schedule related to the account and agree to pay all fees associated with the account and account services provided by Woori Vietnam.

10.5. Đơn đề nghị này được viết bằng Tiếng Việt, Tiếng Anh. Trong trường hợp có mâu thuẫn nội dung giữa Bản Tiếng Việt, Tiếng Anh thì Bản Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Application Form is written in Vietnamese and English. In case of any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail.

10.6. Bằng việc ký vào Đơn đề nghị này, chúng tôi xác nhận đã chấp thuận và đã ký kết Thỏa Thuận với Woori Việt Nam. Thỏa Thuận này có hiệu lực từ thời điểm Woori Việt Nam ký kết, xác nhận vào phần dành cho NH dưới đây.

By signing this Application Form, we confirm our acceptance and execution of the Agreement with Woori Vietnam. This Agreement shall take effect from the date confirmed by Woori Vietnam below.

....., ngày/ date.....tháng/ month.....năm/ year.....

Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản chung thứ nhất
Legal Representative of the first account holder

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
Full name, Signature & Stamp

....., ngày/ date.....tháng/ month.....năm/ year.....

Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản chung thứ hai
Legal Representative of the second account holder

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
Full name, Signature & Stamp

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG / FOR BANK USE ONLY

Xác nhận của Ngân hàng sau khi kiểm tra tình trạng FATCA của Khách hàng/

Bank's confirmation after verifying Customer's Fatca status:

Chủ tài khoản chung thứ nhất/ The first account holder:

☐ **Có dấu hiệu Hoa Kỳ/** *has U.S. indicia*

☐ **Không có dấu hiệu Hoa Kỳ /** *has no U.S indicia*

Chủ tài khoản chung thứ hai/ The second account holder:

☐ **Có dấu hiệu Hoa Kỳ/** *has U.S. indicia*

☐ **Không có dấu hiệu Hoa Kỳ /** *has no U.S indicia*

Ngân hàng chấp nhận mở tài khoản, cung cấp dịch vụ theo như yêu cầu/ WBV agrees to open the account and provide services as requested:

Số ID (CIF):

Ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản/ Account activation date:

Kể từ ngày/ Date:..../...../.....

Số tài khoản

Account number:

Loại tiền

Currency

Loại tài khoản

Type of account:

Mã cán bộ giới thiệu/ Referring staff ID:

**Thực hiện bởi/ Processed by
(Ký, họ tên)**

**Kiểm tra bởi/ Checked by
(Ký, họ tên)**

**Đại diện Ngân hàng/
Bank's representative
(Ký tên, đóng dấu/ signature and stamp)**

Ngày/ Date:/...../.....

Ngày/ Date:/...../.....

Ngày/ Date:/...../.....